TÒA ÁN NHÂN DÂN **CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **395**/2023/DS-PT
Ngày: 11 - 8 - 2023
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy QĐHC cá biệt".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Lê Giang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 224/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt".

Do có kháng cáo của các nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 8687/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Đình N; sinh năm 1940; địa chỉ: Xóm Y, xã X, huyện H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

1.2. Ông Nguyễn Thiện L, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn T, xã Ê, huyện K, tỉnh Đăk Lăk. Vắng mặt.

1.3. Ông Nguyễn Thiện H, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm C, K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

1.4. Ông Nguyễn Thiện T, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm A, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

1.5. Ông Nguyễn Thiện H1, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm A, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

1.6. Ông Nguyễn Thiện Q, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

1.7. Ông Nguyễn Thiện T1, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm H, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

1.8. Ông Nguyễn Thiện P, sinh năm 1974; địa chỉ: K, phường Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

1.9. Ông Nguyễn Anh T2, sinh năm 1979; địa chỉ: K, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

1.10. Ông Nguyễn Đức H2, sinh năm 1978; địa chỉ: K, thị trấn X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

1.11. Anh Nguyễn Thiện K, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm A, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

1.12. Ông Nguyễn Đức T3, sinh năm 1966; địa chỉ: Số H N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

1.13. Ông Nguyễn Thiện D, sinh năm 1930; địa chỉ: Xóm A, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N, *ông* L, *ông* H, *ông* T, *ông* P, *ông* H2, *anh* K, *ông* T3, *ông* D, *ông* T2*:* Ông Nguyễn Thiện Q, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K1, sinh năm 1943; địa chỉ: Xóm D, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An *(Theo trình bày của ông* Nguyễn Thiện Q*: Bà* K1 *bị tại nạn giao thông, đã chết ngày 19/7/2021).*

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà K1*:*

2.1. Anh Nguyễn Khắc H3, địa chỉ: Xóm D, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2.2. Anh Nguyễn Khắc S, sinh năm 1971, địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2.3. Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1978, địa chỉ: T khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Sỹ H4 - Phó Chủ tịch UBND huyện N. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Anh Nguyễn Khắc H3 và chị Nguyễn Thị T5, cùng địa chỉ: Xóm D, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và các đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, bản tường trình và tại phiên tòa các đồng nguyên đơn *(gồm 13 người có căn cước nêu ở trên)* là những người con, cháu trong dòng họ Nguyễn T6, chi N trình bày: Đại tộc họ Nguyễn Thiện của các ông ở xóm H (nay là xóm D) xã K, huyện N có

nhà thờ được tạo dựng trước năm 1930 *(theo nội dung câu đối tại nhà thờ: Mùa xuân năm Kỷ Tỵ con cháu cung phụng câu đối này)*. Trước năm 1945 thì ông Nguyễn Thiện N1 và bà D1 *(vợ ông* N1*)* là tộc trưởng ở cùng chung với nhà thờ một thửa đất khoảng 500m^2, năm 1946 ông N1 mất, năm 1968 bà D1 mất do không có con nên nhà đất do ông Nguyện Thiện C *(em cùng cha, khác mẹ với ông* N1*)* quản lý, năm 1985 ông C mất. Hiện nay thửa đất đó được bà Nguyễn Thị K1 *(là con gái ông* C - *bị đơn)* cùng anh H3, chị T5 *(là con trai, con dâu của bà* K1 - *là người có quyền, nghĩa vụ liên quan)* quản lý và sử dụng. Năm 1995 bà K1 kê khai đăng ký quyền sử dụng toàn bộ thửa đất trên và đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất *(Viết tắt: Giấy CNQSDĐ)* vào sổ số 583 đứng tên bà K1 tại thửa 806, tờ bản đồ số 3 với diện tích 345m^2.

Năm 2011 khi lập bản đồ mới *(Bản đồ số 48)* thửa đất số 806 được tách làm 02 thửa: Thửa số 8 với diện tích 139,3m^2 đất tín ngưỡng có nhà thờ họ, thửa số 9 với diện tích 224,2m^2 đất ở nông thôn có nhà của bà K1.

Năm 2017, UBND xã K thông báo, khảo sát thực trạng để giải quyết đất nhà thờ nhưng bà K1 không xuất trình Giấy CNQSDĐ, không thống nhất để dòng họ Nguyễn T6 làm thủ tục để được cấp GCNQSDĐ và lối đi vào nhà thờ, UBND xã K đã hòa giải 02 lần vào năm 2018 nhưng không thành.

Nay các ông làm đơn khởi kiện với những yêu cầu sau:

+ Đề nghị Tòa án hủy Giấy CNQSD đất của UBND huyện N đã cấp cho bà Nguyễn Thị K1 năm 1995.

+ Đề nghị Tòa án xác định diện tích khuôn viên nhà thờ tại thửa số 08, tờ bản đồ 48 cũng như phần ngõ, tạo lối đi cho nhà thờ với diện tích thuộc quyền sử dụng của dòng họ Nguyễn T6 do các ông cùng đứng tên sử dụng.

- Bị đơn là bà Nguyễn Thị K1 trình bày: Thửa đất bà đang ở do bố, mẹ để lại cho bà và bà là con gái duy nhất, năm 1995 bà kê khai và được UBND huyện N cấp Giấy CNQSDĐ, nhà thờ đã có từ thời ông cố xây dựng, thời gian đã lâu, không nhớ năm nào, năm 2014 thì được tu sửa, nâng cấp như hiện nay, ngõ vào nhà thờ đã có từ lâu, chỉ đủ người đi bộ, đi trước sân của bà. Bà đề nghị giữ nguyên hiện trạng sử dụng, ngõ vào nhà thờ vẫn để nguyên như hiện nay chỉ đề nghị không đưa ô tô vào sân nhà bà khi đi thắp hương, làm lễ.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Khắc H3 và chị Nguyễn Thị T5 (vợ anh H3) đều thống nhất trình bày: Nguồn gốc thửa đất của bà K1 (mẹ anh) và vợ chồng anh đang ở là của cố, can bà K1 để lại, nhà thờ đã được xây dựng từ lâu, không biết năm nào, ngõ vào nhà thờ là ngõ chung cùng gia đình bà K1 được anh H3 tu sửa, xây dựng như hiện nay, đề nghị Tòa án giữ nguyên hiện trạng để cùng sử dụng.

- Đại diện Ủy ban nhân dân huyện N trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 806 (Bản đồ 299) được hình thành trước năm 1945 do bố mẹ bà K1 mất để lại cho bà K1 là con duy nhất, tại Bản đồ 299 diện tích 368m^2, tại sổ địa chính là 345m^2, năm 2011 lập bản đồ mới được tách làm 2 thửa số 8 mang tên nhà thờ họ

Nguyễn T6 và thửa số 9 đứng tên bà K1. Qua kiểm tra sổ địa chính thì các thông tin thửa đất đều đứng tên bà K1, năm 1995 đã được cấp Giấy CNQSDĐ. Trình tự, thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ cho bà K1 theo đúng quy định của pháp luật đất đai vì vậy dòng họ Nguyễn T6 khởi kiện yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ của bà K1 là không có căn cứ.

- Kết quả thẩm định, định giá ngày 18/10/2019 như sau: Hiện trạng thửa đất bà K1 đang sử dụng có nhà via lợp ngói, nhà bếp, công trình phụ, mái tôn diện tích 224m^2, phần công trình giáp đường đê 15m^2 (tổng 139m^2), thửa đất số 08 có nhà thờ, mái tôn, sân có diện tích là 134m^2, diện tích đất đang làm đường đi chung 37m^2, giá trị đất thửa số 9 là 2.000.000đ/m^2, thửa số 8 là 1.000.000đ/m^2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 10/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã căn cứ vào: Điều 15, Điều 102, Điều 211 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 38, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; mục e, khoản 2 Điều 10, mục 5 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông Nguyễn Đình N, anh Nguyễn Thiện L, anh Nguyễn Thiện H, anh Nguyễn Thiện T, anh Nguyễn Thiện H1, ông Nguyễn Thiện Q, ông Nguyễn Thiện T1, anh Nguyễn Thiện P, anh Nguyễn Anh T2, anh Nguyễn Đức H2, anh Nguyễn Thiện K, ông Nguyễn Đức T3 và ông Nguyễn Thiện D về việc yêu cầu công nhận Quyền sử dụng đất và hủy một phần Quyết định cá biệt (Giấy CNQSDĐ).

Tuyên xử: Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện N vào sổ số 583 cấp cho bà Nguyễn Thị K1 năm 1995 tại thửa 806, tờ bản đồ số 3 với diện tích 345m^2 tại xóm H (nay là xóm D) xã K, huyện N và một phần Quyết định liên quan việc cấp Giấy CNQSDĐ trên.

Giao cho các ông Nguyễn Đình N, anh Nguyễn Thiện L, anh Nguyễn Thiện H, anh Nguyễn Thiện T, anh Nguyễn Thiện H1, ông Nguyễn Thiện Q, ông Nguyễn Thiện T1, anh Nguyễn Thiện P, anh Nguyễn Anh T2, anh Nguyễn Đức H2, anh Nguyễn Thiện K, ông Nguyễn Đức T3 và ông Nguyễn Thiện D được quyền sử dụng l34m^2 đất tại thửa số 8, tờ bản đồ số 48, quyền sử dụng 37 m^2 đất tạo lối đi chung tại tại thửa số 8 và thửa số 9, tờ bản đồ số 48 tại xóm H (nay là xóm D) xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An và quyền sỡ hữu các tài sản trên đất gồm nhà thờ, mái tôn, sân, cổng, 01 cây bưởi, 02 cây thanh long.

Giao cho bà Nguyễn Thị K1 được quyền sử dụng 239m^2 đất (diện tích theo hiện trạng đang sử dụng 224m^2 có nhà, sân + 15m^2 có công trình xây dựng giáp đường đê) tại thửa số 9, tờ bản đồ số 48 xóm H (nay là xóm D) xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An và quyền sử dụng lối đi chung là 37 m^2 đất tại thửa số 8 và thửa số 9, tờ bản đồ số xóm 8 (nay là xóm D) xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Ranh giới thửa đất giao cho các đồng nguyên đơn (13 người trong họ Nguyễn T6), bà Nguyễn Thị K1 và lối đi chung có tiếp giáp và kích thước như sau: Phần đất giao cho các đồng nguyên đơn (13 người) tại thửa số 8: Phía Nam,

Tây Nam giáp đường trục xóm, phía Đông giáp đất ông Q1, phía Bắc, Đông Bắc giáp đất bà K1 và lối đi chung.

Phần đất giao cho bà K1 phía Bắc, T giáp đường xóm, đường đê, phía Nam giáp đất các đồng nguyên đơn, phía Đông giáp đất tạo lối đi chung Lối đi chung phía nam là cổng nhà thờ, phía Đông giáp đất ông X, ông S1. phía Tây Bắc giáp đất bà K1, phía bắc giáp đường đê.

Các điểm xác định ranh giới, chiều dài là điểm nối các dấu chấm tròn đen, diện tích phần được sử dụng chung và sử dụng riêng nằm trong dấu ( ) tại Sơ đồ đo đạc thực tế của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện N lập ngày 18/10/2019 (kèm theo Bản án sơ thẩm).

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đăng ký đất đai, tài sản trên đất tại cơ quan có thẩm quyền sau khi bản án có hiệu lực.

Buộc ông Nguyễn Thiện T1 (người được các đồng nguyên đơn giao nghĩa vụ) phải thanh toán giá trị 01 cây bưởi, 02 cây thanh long cho bà Nguyễn Thị K1 số tiền là: 210.000đ (hai trăm mười ngàn đồng).

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 01/2/2021, các đồng nguyên đơn: Anh Nguyễn Thiện H1, ông Nguyễn Thiện Q, ông Nguyễn Thiện T1, anh Nguyễn Anh T2 có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm: Công nhận một phần ngõ đi chung theo quyết dịnh của bản án sơ thẩm có diện tích 11,7m^2 tiếp giáp với cổng nhà thờ thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn.

- Ngày 03/02/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định kháng nghị số 345/QĐKNPT-VKS-DS cho rằng bản án sơ thẩm có vi phạm pháp luật về tố tụng và nội dung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn, của người có kháng cáo là ông Nguyễn Thiện Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Nhất trí với việc xác định đất và nhà thờ là của dòng họ Nguyễn Thiện .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Rút một phần quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An về việc xác định Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng và việc xác định diện tích đất có sự chênh lệch với thực tế;

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Giao đất nhà thờ họ cho các đồng nguyên đơn là không đúng, cần phải giao cho dòng họ Nguyễn T6; sửa quyết định của bản án sơ thẩm về việc "Hủy quyết định có liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" tại bản án sơ thẩm, chỉ tuyên hủy phần quyết định có liên quan đến thửa đất ở, đất vườn đang tranh chấp có diện tích 345m^2 tại tại thửa số 9, tờ bản đồ số 48 lập năm 2011 tại xóm H (nay là xóm D) xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, xác định diện tích 11,7m^2 phía ngoài cổng nhà thờ thuộc quyền sử dụng của dòng họ Nguyễn Thiện .

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, các nguyên đơn kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An kháng nghị đối với bản án sơ thẩm. Xét thấy việc kháng cáo và kháng nghị đều hợp lệ nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã triệu tập hợp lệ các đương sự. Tuy nhiên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, hoặc đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, hoặc đã có người đại diện theo uỷ quyền tham gia phiên toà. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Toà án cấp sơ thẩm đã xác định chính xác quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án, giải quyết đúng thẩm quyền, đúng thời hiệu theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đủ người tham gia tố tụng tuy nhiên việc xác định Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn, là chưa đúng mà phải xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 34 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chỉnh sửa lại cho phù hợp và đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

[4.1] Về nội dung chênh lệch diện tích giữa thực tế với tài liệu lưu trữ và việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đại diện Ủy ban nhân dân huyện N: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tại phiên tòa đã rút nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 284 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[4.2] Về việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao nhà thờ và đất nhà thờ cho các nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu của các nguyên đơn xuất trình, kết quả xác minh cũng như quá trình hoà giải, giải quyết ở UBND xã K, lời thừa nhận của bị đơn là bà K1 xét thấy: Ngôi nhà ngói 03 gian được dòng họ N, chi nhánh N2 làm nơi thờ cúng đã có từ lâu đời, bà K1 cũng không biết xây dựng năm nào, ngôi nhà, mái tôn đã được những người trong chi họ đóng góp, tu sửa tôn tạo mới qua nhiều thời kỳ và được dùng làm nơi để các thành viên trong dòng họ thờ cúng, lễ tế hàng năm. Căn cứ vào nguồn gốc, quá trình sử dụng và tồn tại thực tế, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngôi nhà thờ của dòng họ xây dựng trên thửa đất số 8 thuộc quyền sử dụng chung của cộng đồng dân cư là dòng họ Nguyễn T6, chi nhánh N2, không phải tài sản riêng của bố, mẹ bà K1 tạo dựng là đúng. Do Luật Đất đai năm 1987, năm 1993 chưa quy định về đất có mục đích

tín ngưỡng nên khi bà K1 đã kê khai và được UBND huyện N cấp Giấy CNQSDĐ năm 1995 trong thửa đất số 806 của hộ gia đình bà K1. Căn cứ vào Điều 10 Luật Đất đai năm 2013 về xác định phân loại đất và quy định tại Nghị Quyết số 01/2020/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành ngày 05/3/2020 hướng dẫn thì tài sản này thuộc sở hữu chung của cộng đồng là các thành viên dòng họ Nguyễn T6, chi N ở xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An và họ là chủ sử dụng đất. Do đó, việc Toà án cấp sơ thẩm quyết định giao cho các đồng nguyên đơn sử dụng chung nhà thờ và thửa đất này là không đúng. Nội dung kháng nghị này của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về việc huỷ quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định: *"Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của* Ủy ban nhân dân huyện N *vào sổ số 583 cấp cho bà* Nguyễn Thị K1 *năm 1995 tại thửa 806, tờ bản đồ số 3 với diện tích 345m^2 tại* xóm H (nay là xóm D) xã K, huyện N *và một phần Quyết định liên quan việc cấp Giấy CNQSDĐ trên"* là chưa chính xác. Cần chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân nhân dân tỉnh Nghệ An để xác định lại như sau: Huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 780583 ngày 26/7/1995, vào sổ cấp GCNQSD đất số 583QSD của Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho bà Nguyễn Thị K1 tại thửa 806, tờ bản đồ số 06 đối với diện tích 345 m^2 (đất ở và vườn) tại xóm H (nay là xóm D) xã K, huyện N *(Theo Bản đồ địa chính lập năm 2011 là diện tích 345m^2 gồm 02 thửa số 08 và 09, tờ bản đồ số 48 tại* xóm H (nay là xóm D) xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An*).*

[5] Xét kháng cáo của nguyên đơn về việc xác định một phần ngõ đi chung có diện tích 11,7m^2 thuộc quyền sử dụng của dòng họ Nguyễn T6 là phù hợp với hiện trạng thực tế và Bản đồ đo vẽ năm 2011 nên được chấp nhận. Xét thấy đường vào nhà thờ họ có lối đi chung trước sân của bà K1, cùng cổng ngõ của bà K1. Căn cứ vào hiện trạng thực tế bà K1 và dòng họ đang sử dụng cần xác định phần lối đi có diện tích 25,3m^2 được xác định từ cuối gờ con lươn đến mép bờ đê Hữu Lam là lối đi chung của các thành viên dòng họ Nguyễn T6, chi N ở xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An và gia đình bà K1.

[6] Về án phí: Nguyên đơn kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn: Anh Nguyễn Thiện H1, ông Nguyễn Thiện Q, ông Nguyễn Thiện T1, anh Nguyễn Anh T2 và một phần Quyết định kháng nghị số 345/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/02/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DS-ST ngày 10/01/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An như sau:

Căn cứ vào các Điều 15, Điều 102, Điều 211 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 38, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; mục e, khoản 2, Điều 10;

mục 5 Điều 100 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 345/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/02/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An về việc chênh lệch diện tích giữa thực tế với tài liệu lưu trữ và việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đại diện Ủy ban nhân dân huyện N

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông Nguyễn Đình N, anh Nguyễn Thiện L, anh Nguyễn Thiện H, anh Nguyễn Thiện T anh Nguyễn Thiện H1, ông Nguyễn Thiện Q, ông Nguyễn Thiện T1, anh Nguyễn Thiện P, anh Nguyễn Anh T2, anh Nguyễn Đức H2, anh Nguyễn Thiện K, ông Nguyễn Đức T3 và ông Nguyễn Thiện D về việc yêu cầu công nhận Quyền sử dụng đất tại thửa số 8 , tờ bản đồ số 48 đo vẽ năm 2011 tại xóm H (nay là xóm D) xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An thuộc quyền sử dụng của cộng đồng dân cư dòng họ Nguyễn T6, chi N xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An.

3. Tuyên xử: Huỷ một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 780583 ngày 26/7/1995, vào sổ cấp GCNQSD đất số 583 QSD của Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho bà Nguyễn Thị K1 tại thửa 806, tờ bản đồ số 06 đối với diện tích 345m^2 (đất ở và vườn) tại xóm H (nay là xóm D) xã K, huyện N *(Theo Bản đồ địa chính lập năm 2011 là diện tích 345m^2 gồm 02 thửa số 08 và 09, tờ bản đồ số 48 tại* xóm H (nay là xóm D) xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An*).*

4. Giao cho cộng đồng dân cư dòng họ Nguyễn T6, chi Nam Đông được quyền sử dụng 151m^2 đất gồm có 134m^2 phía trong cổng tại thửa số 8, tờ bản đồ số 48 tại xóm H (nay là xóm D) xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An và 17m^2 ngõ đi ngoài cổng *(Từ cổng đến hết phần xây gờ con lươn)* và quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm: Nhà thờ, mái tôn, sân, cổng, 01 cây bưởi, 02 cây thanh long. Phía Nam, T giáp đường trục xóm, phía Đông giáp đất nhà thờ của ông Phạm Viết H5 và đất của gia đình bà Phạm Thị Q2, phía Bắc, Đông Bắc giáp đất gia đình bà K1 và lối đi chung. Trên sơ đồ kèm theo bản án là diện tích được giới hạn bởi các điểm: ABCDWVOPQRSA.

5. Giao cho những người thừa kế của bà Nguyễn Thị K1 gồm anh Nguyễn Khắc H3, anh Nguyễn Khắc S, chị Nguyễn Thị T4 được quyền sử dụng diện tích 224m^2 có nhà, sân và tạm giao 15m^2 có công trình xây dựng giáp đê Hữu Lam tại thửa số 9, tờ bản đồ số 48 xóm H (nay là xóm D) xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An. Phía Bắc giáp mép bờ đê H, phía Nam giáp đất giao cộng đồng dân cư dòng họ Nguyễn T6, phía Đông giáp lối đi chung, phía T giáp đường ngõ. Trên sơ đồ kèm theo bản án là diện tích được giới hạn bởi các điểm: WVUONMJ/JIHYW.

6. Lối đi chung vào nhà thờ họ và nhà bà K1 tại thửa số 8 và thửa số 9, tờ bản đồ số 48 tại xóm H (nay là xóm D) xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An có diện tích 25,3m^2 được xác định từ cuối gờ con lươn đến mép bờ đê Hữu Lam. Phía Đông giáp đất ông X, ông S1, phía Tây Bắc giáp đất bà K1, phía Bắc giáp

đường đê, phía Nam giáp đất giao cho cộng đồng dân cư dòng họ Nguyễn Thiện. Trên sơ đồ kèm theo bản án là diện tích được giới hạn bởi các điểm: HGFEDWWYZH.

7. Cộng đồng dân cư dòng họ Nguyễn T6 và các thừa kế của bà Nguyễn Thị K1 có quyền và nghĩa vụ đăng ký đất đai, tài sản trên đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi bản án hiệu lực.

8. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Thiện T1, Nguyễn Anh T2, Nguyễn Thiện H6 do ông Nguyễn Thiện Q nộp thay tại Biên lai thu số AA/2020/0003993 ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An

9. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi gửi:
- *VKSND Cấp cao tại Hà Nội;*
- *TAND, VKSND tỉnh Nghệ An;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THDS tỉnh Nghệ An;*
- *Lưu HSVA, VT, HCTP.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Hải Thanh